TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82 /2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 12 -2023
V/v " Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Hiền và ông Trần Xuân Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2023/HNGĐ - ST ngày 04 tháng 08 năm 2023 về việc " Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/ 2023/ QĐ – HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị L, sinh năm 1980 (có mặt)
- **Bị đơn**: Anh Đỗ Đình B, sinh năm 1978(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày chị và anh Đỗ Đình B đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 01 năm 2001 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn trong cách làm kinh tế, anh B không quan tâm đến vợ con, hay uống rượu, gia đình và chị L đã góp ý nhiều lần và mong muốn anh B thay đổi nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đỗ Đình B.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 (hai) người con chung với nhau, tên các cháu là Đỗ Đình Q, sinh ngày 15/01/2002 và cháu Đỗ Đình P, sinh ngày 15/10/2009. Hiện nay cháu Q đã trên 18 tuổi, cháu khỏe mạnh đã đi làm, cháu P đang còn nhỏ. Ly hôn nguyện vọng của chị L mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nghề nghiệp của chị L làm công nhân tại xã Đ, huyện T, thu nhập hàng tháng 7.000.000đ, chị xét thấy đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P.

Về tài sản và phần nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Đình B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án anh B viết bản tự khai và tham gia phiên hòa giải trình bày việc đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng thực tế. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đầu năm 2023 con cái hư hỏng, vợ chồng bất đồng về cách dạy con, vì vây anh, chị hay cãi nhau, dẫn đến việc chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh. Anh B xét thấy anh còn thương yêu chị L, nên không đồng ý ly hôn, anh mong muốn được đoàn tụ cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 (hai) con chung, tên các cháu là Đỗ Đình Q, sinh ngày 15/01/2002 và cháu Đỗ Đình P, sinh ngày 15/10/2009. Hiện nay cháu Q đã trên 18 tuổi, cháu khỏe mạnh đã đi làm, nên không yêu cầu Tòa an giải quyết, cháu P đang còn nhỏ, nên rất cần đến sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ. Nếu vợ chồng phải ly hôn nguyện vọng của anh là giao cháu Đỗ Đình P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vì anh B làm nghề lái xe đường dài Bắc Nam, rất ít có cơ hội nghỉ ngơi ở nhà, nên không có thời gian để chăm sóc, giáo dục con. Về phần cấp dưỡng, anh B tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản và phần nợ: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Lê Thị L ly hôn anh Đỗ Đình B. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cháu Đỗ Đình P, sinh ngày 15/10/2009, ghi nhận sự tự nguyện của anh B về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị L, anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Đây là vụ án " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đỗ Đình B cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đỗ Đình B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh B trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình B đăng ký kết hôn ngày 20/01/2001 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 01/2001. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chưa thực sự yêu thương, chăm sóc và quan tâm đến nhau, nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, nên chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Quá trình giải quyết vụ án, anh B xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung và xây dựng kinh tế gia đình, nhưng chị L xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị tha thiết được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh B đã trầm trọng. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Đỗ Đình B.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 (hai) con chung với nhau, tên các cháu là Đỗ Đình Q, sinh ngày 15/01/2002 và cháu Đỗ Đình P, sinh ngày 15/10/2009. Hiện nay cháu Q đã trên 18 tuổi, cháu khỏe mạnh đã đi làm, nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu P đang còn nhỏ, nên rất cần đến sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ. Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 14/11/2023 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị L và anh B. Tại buổi xác minh UBND xã Đ cho biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị L và anh B UBND xã không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng anh, chị có 02 con chung là Đỗ Đình Q, sinh ngày 15/01/2002 và cháu Đỗ Đình P, sinh ngày 15/10/2009. Chị L đi làm công nhân , anh B làm nghề lái xe, nên vợ chồng anh

chị đều có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con chung của chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình B thì thấy mặc dù cháu P có nguyện vọng xin được ở cùng bố, nhưng chị L và anh B thỏa thuận, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh, chị. Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, nhưng không nêu ý kiến về việc cấp dưỡng từ khi nào. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung của anh B, buộc anh B cấp dưỡng nuôi cháu P cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[6]. Về án phí***:** Chị Lê Thị L và anh Đỗ Đình B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Xử cho chị Lê Thị L ly hôn anh Đỗ Đình B.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Đình P, sinh ngày 15/10/2009. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh B. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Đình B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị L và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2022/0000124 ngày 03

tháng 08 năm 2023 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ. anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Đình B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Đồng Tiến*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy